

UNIT 4:**LIFE IN THE PAST****I/ NEW WORDS: GETTING STARTED**

- wealthy	(adj) : giàu có
- express	(v) : diễn tả, bày tỏ
- agreement	(n) : sự đồng ý, thoả thuận
- appreciation	(n) : sự đánh giá cao
- marriage	(n) : sự kết hôn
- hole	(n) : hố, lỗ
- dig- dug	(v) : đào, bới, xới, cuốc
- gap	(n) : khoảng cách
- funeral	(n) : lễ tang, đám tang
- bride	(n) : cô dâu
- groom = bridegroom	(n) : chú rể
- attendant	(adj) : tham dự (n) : người tham dự